

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

TIẾNG ANH 4 ĐỌC-VIẾT-NGHE-NÓI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2016
của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN)

1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thông tin về môn học

- Tên môn học: Tiếng Anh 4 Đọc - Viết - Nghe - Nói
- Mã môn học: ENG2113-2116
- Số tín chỉ: 20
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 300 giờ tín chỉ
- Môn học: Bắt buộc
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 3 Đọc - Viết - Nghe - Nói, mã số ENG2109-2112
- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

Kết thúc môn học, sinh viên sẽ đạt trình độ tiệm cận bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể:

- hiểu được nhiều kiểu văn bản dài, khó và nắm bắt được hàm ý;
- diễn đạt ý mình một cách trôi chảy, tức thì mà không phải quá vất vả tìm từ;
- sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, hiệu quả cho các mục đích xã hội, học tập và chuyên môn;
- tạo ra các văn bản rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc tốt về các chủ đề phức tạp, cho thấy khả năng kiểm soát tốt các hình thức sắp xếp ý, các liên từ và phương tiện liên kết.

4. Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Tiếng Anh 4 Đọc Viết Nghe Nói cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:

- các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh nâng cao ở dạng tích hợp một cách hệ thống thông qua các dạng thức văn bản mẫu theo quy chuẩn và văn phong học thuật;
- những từ vựng được sử dụng trong các chủ đề xã hội chuyên sâu nhưng khá quen thuộc như nền giáo dục hiện đại, các vấn đề toàn cầu, xu thế thời đại, ...;
- nguyên tắc phát âm, trọng âm với từ, cụm từ và câu trong các hoạt động nói bao gồm hội thoại và trình bày về một chủ đề cụ thể;
- các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng nâng cao.

5. Học liệu

5.1. Học liệu bắt buộc

1. Clare, A. & Wilson, J. (2012). *Speakout Advanced Student's Book*. Pearson Education Limited.
2. Clare, A. & Wilson, J. (2012). *Speakout Advanced Workbook*. Pearson Education Limited.
3. Eales, F. & Oakes, S. (2011). *Speakout Upper-Intermediate Student's Book*. Pearson Education Limited.
4. Eales, F. & Oakes, S. (2011). *Speakout Upper-Intermediate Workbook*. Pearson Education Limited.
5. Oshima, A. & Hogue, A. (2006, 4e). *Writing Academic English*. Pearson Education Limited.
6. Salle, G., Swaney, J & Kushwaha, M. N. (2009). *How to Master Skills for the TOEFL Listening Advanced*. Darakwon.
7. Hall, T. Milch, A. H. & McCormack, D. (2009) *How to Master Skills for the TOEFL Reading Advanced*. Darakwon.

5.2. Học liệu bổ trợ

1. Cunningham, S. (2006). *New Cutting Edge Advanced*. Longman
2. Oxenden, C., & Latham-Koenig, C. (2010). *New English File Advanced*. Oxford: Oxford University Press
3. Soars, L. & Soars, J. (4th Ed. 2014). *New Headway Advanced*. Oxford: Oxford University Press
4. Falla, T. (2nd Ed. 2013). *Solutions Advanced*. Oxford: Oxford University Press
5. Websites:
 - <http://englishteststore.net/>
 - <http://www.esolcourses.com/>
 - <http://www.ihbristol.com/free-english-exercises/esol>
 - <http://www.learnenglish.org.uk>
 - www.bbc.co.uk
 - www.englishclub.com
 - www.esl.cafe.com
 - www.world-english.org

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Sinh viên cần:

- thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.
- nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra;
- sinh viên được công nhận đủ điều kiện dự thi cuối học phần khi tham dự ít nhất 80% số giờ học và tham gia đầy đủ các bài kiểm tra tiến bộ.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

7.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến bộ	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Đọc -Viết - Nghe - Nói.	40%
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Đọc -Viết - Nghe - Nói.	60%

Chú ý:

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân. Ví dụ 7,3.
- Dạng thức của bài kiểm tra theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

7.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến bộ	Theo kế hoạch học tập của khóa học
2	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Theo kế hoạch học tập của khóa học